

Bản án số: 91/2019/HS-ST

Ngày: 18.6.2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lệ.
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Quang Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2019/TLST-HS, ngày 24 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: Kim Minh K, sinh ngày 19/02/1993 (tên gọi khác: không); Giới tính: Nam; Quê quán: R G - Kiên Giang; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số 7/68, tổ 8, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Kim Minh H và bà Lê Thị H; Vợ: Đỗ Thị P, sinh năm 1986; Con: 01 người, sinh năm 2017; Anh, chị, em ruột: 03 người, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/02/2019 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

*** Người bị hại:** Ông Danh T, sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: Tổ 6, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

*** Người làm chứng:**

+ Ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: Số 696, đường N T Đ, tổ 6, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961; Địa chỉ cư trú: Số 696, đường N T Đ, tổ 6, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

+ Bà Phan Thị Tuyết N, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: Số 373, đường M C, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962; Địa chỉ cư trú: Số 696, đường N T Đ, tổ 6, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: Số 696, đường N T Đ, Tổ 6, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

+ Ông Lê Văn T2, sinh năm 1999; Địa chỉ cư trú: Tổ 5, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1964; Địa chỉ cư trú: Tổ 8, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Số 696, đường N T Đ, tổ 6, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

+ Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: Tổ 8, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ, ngày 15/5/2018, Kim Minh K sau khi đã nhậu xong với những người bạn và trên đường đi về nhà thì K gặp Nguyễn Minh T1 ở cùng xóm với K. T1 rủ K về nhà T1 nhậu thì K đồng ý và K hứa với T1 một lúc sau sẽ đến nhậu cùng. Một lúc sau, K đi bộ đến nhà T1 thì thấy T1 và Nguyễn Minh T3 đang ngồi nhậu ở trước nhà số 696, đường N T Đ, tổ 6, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. Thấy vậy, K không vào nhậu ngay mà núp vào lùm cây ven đường rồi lấy đất, đá ném vào vách nhà, ném vào gần chỗ sòng nhậu nhiều lần với mục đích là đùa giỡn với những người đang ngồi trong sòng nhậu thì T1 đoán ra được là K là người ném đất, đá vào sòng nhậu, nên K từ lùm cây đi ra gặp T1. Cùng lúc đó, Danh T đang ở phía sau nhà T1 đi ra phía trước gặp K thì xảy ra cự cãi, chửi nhau. K và T xông vào định đánh nhau thì được Nguyễn Minh V (anh ruột của T1) đi từ trong nhà ra cùng với những người khác can ngăn nên K bỏ về nhà nhưng K còn tức giận nên K quay lại cãi nhau với T thêm một lần nữa thì được mọi người can ngăn và K lại đi về nhà.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, K lấy 01 cây dao bấm, cán và lưỡi dao đều bằng kim loại, có mũi nhọn, dài khoảng 15cm (dao có nút bấm điều khiển cho lưỡi dao thụt ra, thụt vào) đang để ở trên bình rượu trong phòng khách nhà K. K bỏ vào túi quần phía sau bên phải và đi bộ đến gặp Danh T. Trên đường đi, K gặp Nguyễn Hùng Minh H, sinh năm 2000, trú tại Tổ 11, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang chạy xe mô tô (chưa rõ biển số) ngang qua nên K lên tiếng nhờ H chở đi công chuyện thì H đồng ý. K kêu H chạy xe đi vòng lên đường H T P, rẽ sang đường N V C rồi đi vào đường N T Đ đi về phía cầu ông Hiến. Khi chạy xe trên đường N T Đ cách nhà T1 khoảng hơn 100m thì K phát hiện bên lề đường có đoạn cây tre nên K kêu H dừng lại và K xuống xe lấy một đoạn tre dài khoảng 1,2m cầm trên tay rồi lên xe kêu H

chạy tiếp, H có hỏi K lấy đoạn tre để làm gì thì K nói là để đùa giỡn.

Khi H chở K đến cách nhà T1 khoảng 50m thì K phóng xuống xe và 01 mình đi bộ đến nhà T1. Khi K đi đến gần nhà T1 thì V và T3 thấy K cầm đoạn cây tre trên tay đi về phía mình nên bỏ chạy vào trong nhà V, còn Danh T ở lại nên K dùng đoạn tre, dài 1,2m đánh 01 cái về phía người T, T đưa tay lên đỡ làm đoạn tre bị gãy nên T xông vào dùng tay đánh nhau với K thì bị K lấy 01 cây dao bấm giấu sẵn trong túi quần phía sau bên phải, đâm 01 nhát trúng vào bụng của T, gây thương tích. Thấy T bị K đánh gây thương tích, V cầm 01 cây dao yếm, T3 cầm 01 cây sắt từ trong nhà V chạy về phía K, cùng lúc đó có Lê Văn T2, sinh năm 1999, trú tại Tổ 5, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang là người cùng xóm với K chạy xe mô tô biển số 68X1-066.67 chở chị Đỗ Thị P là vợ của K chạy đến chỗ K và T đang đánh nhau để can ngăn và T2 kêu K lên xe của T2 để T2 chở đi nơi khác và khi đi đến gần cầu N V C, thuộc địa bàn phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang, K kêu T2 cho dừng xe để K ném bỏ cây dao bấm xuống kênh ông Hiễn. Danh T bị K đâm 01 nhát dao vào bụng, máu ra nhiều và được mọi người đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang. Đến ngày 21/5/2018, Danh T làm đơn yêu cầu giám định thương tích và khởi tố đối với Kim Minh K. Còn K sau khi gây thương tích cho T thì bỏ trốn. Đến ngày 20/02/2019 Kim Minh K bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R G khởi tố, bắt tạm giam để điều tra về hành vi cố ý gây thương tích.

* *Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 315/KL-PY, ngày 18/6/2018, của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang, kết luận về thương tích của người bị hại Danh T như sau:*

1. Dấu hiệu chính qua giám định :

- Sẹo sơ cứng vùng bụng phải, sẹo mổ và sẹo mổ dẫn lưu.
- Thủng ruột non đoạn hồi tràng 03 lỗ, thủng mạc treo ruột 02 lỗ.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là : 49% (Bốn mươi chín phần trăm).

3. Vật gây thương tích: Vật sắc nhọn.

* *Vật chứng trong vụ án:*

+ 01(một) đoạn tre dài 1,2m đã bị gãy một phần thân cây, đã được nhập kho vật chứng. Riêng cây dao bấm bằng kim loại, dài khoảng 15 cm mà Kim Minh K dùng để gây thương tích cho Danh T, K đã ném bỏ xuống kênh ông Hiễn. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng chưa thu hồi được.

Tại bản Cáo trạng số: 85/CT-VKSTPRG ngày 24/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Kim Minh K về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự (vì thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm e khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Kim Minh K từ 30 đến 36 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy những đồ vật, tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo gồm:

+ 01(một) đoạn tre dài 1,2m đã bị gãy một phần thân cây, theo Quyết định chuyển vật chứng số 51/QĐ-VKS, ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố R G.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, người bị hại Danh T yêu cầu bị cáo K bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm (chi phí điều trị, chi phí đi lại, ngày công lao động, tổn thất tinh thần), với tổng cộng số tiền là 30.000.000 đồng. Bị cáo K đồng ý bồi thường và đã bồi thường xong. Người bị hại Danh T đã làm đơn bãi nại đối với bị cáo K, nên đề nghị HĐXX miễn xét.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Kim Minh K thừa nhận toàn bộ hành vi gây thương tích cho người bị hại Danh T theo như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G đã truy tố, về tội danh, về điều luật áp dụng. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại Danh T với số tiền là 30.000.000 đồng và bị cáo đã bồi thường xong. Người bị hại Danh T đã làm đơn bãi nại cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về trách nhiệm hình sự, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại ông Danh T thống nhất với nội dung cáo trạng đã nêu và lời trình bày của bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, quá trình điều tra ông T yêu cầu K bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm với tổng cộng số tiền là 30.000.000 đồng và bị cáo đã bồi thường, ông T đã làm đơn xin bãi nại cho bị cáo K. Tại phiên tòa, ông T không yêu cầu bị cáo K bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự, ông T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo trình bày: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái và vi phạm pháp luật, bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, lao động phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T1 liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố R G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai bị cáo, người bị hại, người làm chứng, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Vào khoảng 21 giờ, ngày 15/5/2018, tại trước cửa nhà số 696, đường N T Đ, tổ 6, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang, do Kim Minh K dùng đất, đá ném sòng nhậu để đùa giỡn nên giữa K và Danh T xảy ra mâu thuẫn, cự cãi với nhau. Kim Minh K đã có hành vi dùng đoạn tre dài khoảng 1,2m đánh 01 cái trúng vào tay ông T làm đoạn tre bị gãy; tiếp theo đó, K dùng 01 cây dao bấm, lưỡi bằng kim loại, dài khoảng 15cm đâm trúng 01 nhát vào bụng ông T gây thương tích. Hậu quả làm ông T bị thương tích tỷ lệ 49%, thương tích là do vật sắc nhọn gây ra.

Tại phiên tòa bị cáo Kim Minh K thừa nhận thương tích của người bị hại Danh T là do bị cáo gây ra như đã nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, nội dung bản Cáo trạng, lời khai người bị hại, người làm chứng, kết luận giám định pháp y về thương tích và phù hợp các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa. Bị cáo K gây thương tích cho người bị hại Danh T tỷ lệ thương tật là 49%, nhưng do phương tiện bị cáo dùng để gây thương tích là 01 cây dao bấm, lưỡi bằng kim loại, dài khoảng 15cm được xác định là hung khí nguy hiểm, thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự, như kết luận của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, chỉ từ một nguyên do nhỏ nhặt, mặc dù đã được người thân và mọi người can ngăn, hòa giải nhưng bị cáo vẫn quyết tâm thực hiện bằng được hành vi gây thương tích cho ông T. Hành vi của bị cáo là thể hiện bản tính hung hăng, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác và xem thường pháp luật; bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe mà còn gây tổn hại về tinh thần cho bị hại, gây mất trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này, sống có ích cho xã hội và làm gương cho người khác có ý định phạm tội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Sau khi xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã được mọi người hòa giải, can ngăn lần thứ 2. Tuy nhiên, sau khi về đến nhà, bị cáo tiếp tục lấy 01 cây dao bấm và nhặt 01 cây tre, quay trở lại để tìm ông T, nhằm mục đích gây thương tích cho ông T. Và khi gặp T bị cáo đã dùng 01 cây tre và 01 cây dao bấm này để đánh, đâm gây thương tích cho ông T. Hành vi của bị cáo là thể hiện quyết tâm thực hiện bằng được ý định phạm tội và hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại ông T, để khắc phục hậu quả do bị cáo gây ra là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Người bị hại ông T có đơn xin bãi nại cho bị cáo và tại phiên tòa có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, bị cáo Kim Minh K được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian mới đảm bảo mục đích trừng trị, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này, sống có ích cho xã hội và làm gương cho người khác có ý định phạm tội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố R G về tội danh, về điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[7] Đối với Nguyễn Hùng Minh H là người dùng xe mô tô (chưa rõ biển số) chở bị cáo K đến chỗ Danh T, nhưng do không biết là K đi đánh nhau với T. Và Lê Văn T2 là người điều khiển xe mô tô, biển số 68X1-066.67 đi đến chỗ K và T đánh nhau với mục đích là để can ngăn và chở K đi nơi khác để không xảy ra việc đánh nhau tiếp nữa. Do đó, hành vi của Nguyễn Hùng Minh H và Lê Văn T2 không truy cứu là phù hợp, nên HĐXX không xem xét.

[8] Về các vấn đề khác:

- Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01(một) đoạn tre dài 1,2m đã bị gãy một phần thân cây, theo Quyết định chuyển vật chứng số 51/QĐ-VKS, ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố R G.

Đối với vật chứng là 01 cây dao bấm bằng kim loại, dài khoảng 15 cm mà Kim Minh K dùng để gây thương tích cho Danh T, K đã ném bỏ xuống kênh ông Hiền. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được, nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Kim Minh K đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm (chi phí điều trị, chi phí đi lại, ngày công lao động, tổn thất tinh thần) với tổng cộng số tiền

là 30.000.000 đồng, theo yêu cầu của người bị hại Danh T. Tại phiên tòa, người bị hại ông T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX miễn xét.

- *Án phí hình sự sơ thẩm:*

+ Án phí hình sự: Bị cáo Kim Minh K phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Kim Minh K phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; điểm e khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, **khoản 2** Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Kim Minh K 02 năm tù (hai năm tù). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 20/02/2019.

3. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đoạn tre dài 1,2m đã bị gãy một phần thân cây, theo Quyết định chuyển vật chứng số 51/QĐ-VKS, ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố R G.

Đối với vật chứng là 01 cây dao bấm bằng kim loại, dài khoảng 15 cm mà Kim Minh K dùng để gây thương tích cho Danh T, K đã ném bỏ xuống kênh ông Hiền. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng chưa thu hồi được, nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Kim Minh K đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm với tổng cộng số tiền là 30.000.000 đồng theo yêu cầu của người bị hại Danh T. Tại phiên tòa, người bị hại ông T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX miễn xét.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6, Điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Kim Minh K phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- Cơ quan THA Dân sự TP. R G;
- Công an TP. R G;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa